

# GIÁO DỤC KĨ NĂNG GIAO TIẾP CHO HỌC SINH RỐI LOẠN PHỔ TỰ KỶ HỌC HÒA NHẬP CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ: THỰC TRẠNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Đỗ Thị Thảo<sup>1,+</sup>,  
Nguyễn Nữ Tâm An<sup>1</sup>,  
Quách Huyền Trâm<sup>2</sup>,  
Đỗ Thị Trang<sup>3</sup>,  
Nguyễn Thị Hoa<sup>1</sup>,  
Nguyễn Hoài Thương<sup>4</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Sư phạm Hà Nội;  
<sup>2</sup>Sinh viên K68, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội;  
<sup>3</sup>Học viên cao học K30, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội;  
<sup>4</sup>Viện Phát triển Công nghệ Giáo dục Đặc biệt  
+Tác giả liên hệ • Email: thaodt@hmu.edu.vn

## Article history

Received: 21/3/2022

Accepted: 20/4/2022

Published: 05/7/2022

## Keywords

Communication skills  
education, students with  
autism spectrum disorders,  
secondary school, lessons

## ABSTRACT

Students with Autism Spectrum Disorder encounter many difficulties in communicating and interacting with surrounding people, which are supposedly huge hampers, directly affecting students' social integration process. The researcher conducted a survey on the current situation of communication skills education for students with Autism Spectrum Disorders in inclusive secondary schools. Most teachers and parents were found to have basic understanding about educational goals, content, methods and forms. However, when the educational activities were applied, many difficulties and hampers emerged. On the basis of the current situation assessment, the article proposes some lessons in the process of setting goals, content and using educational methods, thereby enhancing the coordination of stakeholders in the process of teaching communication skills for students with autism spectrum disorder.

## 1. Mở đầu

Trẻ rối loạn phổ tự kỷ (RLPTK) có biểu hiện gặp nhiều khó khăn khi sử dụng các kĩ năng giao tiếp (KNGT), tương tác xã hội (Lorenzo et al., 2019). Sự hạn chế trong giao tiếp và hành vi lặp đi lặp lại là hạn chế cốt lõi của trẻ RLPTK, những hành vi này thường dẫn đến sự cứng nhắc, rập khuôn trong các bối cảnh xã hội (Trần Văn Công và cộng sự, 2020). Đặc biệt, trẻ RLPTK gặp rất nhiều khó khăn về giao tiếp và tương tác, điều này ảnh hưởng lớn đến cuộc sống sau này của trẻ (Nguyễn Thị Tuyết Mai, 2013). Với HS cấp THCS, nhu cầu giao tiếp, trò chuyện, kết bạn rất lớn, đây là những điều kiện tạo cầu nối giúp các em thiết lập các mối quan hệ, thúc đẩy hòa nhập cộng đồng. Tuy nhiên, những thiếu hụt này làm cản trở đến các mối quan hệ, khiến các em khó khăn khi giao tiếp với các bạn, trở nên cô độc trong lớp học và bạn bè (Matson et al., 2013). Do vậy, việc trang bị cho HS RLPTK cấp THCS những KNGT xã hội là cần thiết và đóng vai trò quan trọng vào quá trình phát triển của các em (Watkins et al., 2017). Hiện nay trên thế giới đã có một số nghiên cứu nổi bật về giáo dục KNGT của trẻ RLPTK (Muharib et al., 2019; Lorenzo et al., 2019). Tuy nhiên, ở Việt Nam, số lượng các nghiên cứu về giáo dục KNGT cho HS RLPTK cấp THCS vẫn còn hạn chế, mặc dù đây là giai đoạn quan trọng và cần thiết nhằm giúp HS trang bị được những KNGT cơ bản, trò chuyện, chia sẻ và là điều kiện giúp các em hòa nhập xã hội (Đỗ Thị Thảo, 2019).

Dưới đây, sau khi sơ lược về quy trình tổ chức quá trình khảo sát, chúng tôi sẽ trình bày về kết quả khảo sát thực trạng giáo dục KNGT cho HS RLPTK cấp trung học cơ sở. Tiếp đó, một số kinh nghiệm sẽ được chỉ ra, tập trung vào quá trình xây dựng các mục tiêu, nội dung và sử dụng phương pháp giáo dục, nâng cao vai trò phối kết hợp của các lực lượng trong quá trình giáo dục KNGT cho HS RLPTK.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Tổ chức khảo sát thực trạng giáo dục kĩ năng giao tiếp cho học sinh rối loạn phổ tự kỷ học hòa nhập cấp trung học cơ sở

Nhằm thu thập dữ liệu thực tế, bổ sung cho các kết quả nghiên cứu lí luận, chúng tôi đã tiến hành khảo sát thực trạng giáo dục KNGT cho HS RLPTK học hòa nhập cấp THCS. Đây là cơ sở quan trọng để nhóm nghiên cứu đúc rút các bài học kinh nghiệm trong quá trình giáo dục KNGT cho HS RLPTK. Cụ thể, các nội dung chính được đề cập trong cuộc khảo sát bao gồm: (1) Nhận thức của GV và phụ huynh về giáo dục KNGT cho HS RLPTK: Khảo

sát thực trạng nhận thức của GV, phụ huynh về: mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục; (2) Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giáo dục trên.

Nhóm nghiên cứu đã sử dụng một số phương pháp thu thập dữ liệu định lượng và định tính, bao gồm: Phương pháp trưng cầu ý kiến bằng phiếu hỏi, phương pháp quan sát và phương pháp phỏng vấn sâu. Đối với phương pháp trưng cầu ý kiến bằng phiếu hỏi, chúng tôi sử dụng 02 mẫu phiếu khảo sát dành cho hai đối tượng trả lời khảo sát. GV và phụ huynh HS RLPTK. Phiếu hỏi được thiết kế bao gồm cả hai dạng câu hỏi đóng và câu hỏi mở, với mục đích tìm hiểu, đánh giá và thống kê thực trạng giáo dục KNGT của HS RLPTK, trên các phương diện mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, đánh giá KNGT. Dữ liệu thu thập được sau đó được xử lý bằng các công cụ phân tích số liệu toán học nhằm đưa ra các kết luận và khuyến nghị.

Nhóm nghiên cứu đã tiến hành thu thập dữ liệu trong khoảng thời gian 2 tháng (tháng 2 và tháng 3/2022) tại các địa phương: Hà Nội, Vĩnh Phúc, Hải Dương và TP. Hồ Chí Minh. Khách thể khảo sát gồm có 78 GV dạy tại các trường hòa nhập, 65 phụ huynh HS RLPTK.

## 2.2. Kết quả khảo sát thực trạng giáo dục kỹ năng giao tiếp của học sinh rối loạn phổ tự kỉ cấp trung học cơ sở

### 2.2.1. Nhận thức của giáo viên và phụ huynh học sinh về mục tiêu giáo dục kỹ năng giao tiếp của học sinh rối loạn phổ tự kỉ cấp trung học cơ sở

Nội dung đầu tiên trong phiếu khảo sát được thiết kế để tìm hiểu quan điểm, nhận thức của GV và phụ huynh HS mắc chứng rối loạn phổ tự kỉ về mục tiêu giáo dục KNGT cho nhóm đối tượng HS này. Kết quả khảo sát được tổng hợp và thể hiện trong bảng 1.

Bảng 1. Nhận thức của GV và phụ huynh về mục tiêu giáo dục KNGT cho HS RLPTK cấp THCS ( $1 \leq M \leq 3$ )

STT	Mục tiêu	Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần thiết		M	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Giúp HS tăng cường tần suất trò chuyện với HS khác	106	74,1	32	22,4	5	3,5	2,49	1
2	Biết nói lời cảm ơn trong các tình huống phù hợp với mọi người	97	67,8	38	26,6	8	5,6	2,46	2
3	Biết thực hiện giúp đỡ mọi người xung quanh	86	60,1	50	34,9	7	5,0	2,39	4
4	Biết thể hiện nhu cầu và mong muốn của bản thân bằng lời nói và hành động	91	63,6	41	28,7	11	7,7	2,41	3
5	Chủ động chào hỏi với mọi người xung quanh	81	56,6	52	36,4	10	7,0	2,35	5
Trung bình			64,4		29,8		5,76	2,42	

Có thể thấy, phần lớn các GV và phụ huynh đều bày tỏ quan điểm đồng tình với 5 mục tiêu của chương trình giáo dục KNGT cho HS RLPTK học hòa nhập cấp THCS. Trong đó, mục tiêu được người trả lời khảo sát ý thức và bày tỏ sự đồng tình cao nhất là “Giúp HS tăng cường tần suất trò chuyện với HS khác”, với điểm trung bình  $M = 2,49$ . Xếp thứ hai đó là mục tiêu “Biết nói lời cảm ơn trong các tình huống phù hợp với mọi người” với điểm trung bình  $M = 2,46$ . Mục tiêu xếp thứ hạng 3 đó là “Biết thể hiện nhu cầu và mong muốn của bản thân bằng lời nói và hành động” đạt điểm trung bình  $M = 2,41$ . Xếp thứ 4 đó là mục tiêu “Biết thực hiện giúp đỡ mọi người xung quanh” với số  $M = 2,39$ . Cuối cùng, đó là mục tiêu “Chủ động chào hỏi với mọi người xung quanh” với  $M = 2,35$ . Từ đó, có thể kết luận rằng ý kiến của GV và phụ huynh trong quá trình xác định các mục tiêu giáo dục phù hợp với khả năng, nhu cầu của HS RLPTK có sự tương đồng khá rõ nét. Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu này, trong quá trình giáo dục cần có sự phối hợp đồng bộ, hiệu quả của tất cả các lực lượng giáo dục, tăng cường giao tiếp và tương tác một cách hiệu quả.

### 2.2.2. Nhận thức của giáo viên và phụ huynh học sinh về các nội dung giáo dục kỹ năng giao tiếp của học sinh rối loạn phổ tự kỉ cấp trung học cơ sở

Nội dung tiếp theo được nhóm nghiên cứu khai thác, tìm hiểu là nhận thức, quan điểm của GV và các phụ huynh HS mắc chứng RLPTK về các nội dung giáo dục KNGT cho đối tượng HS này (ở cấp THCS). Trong đó, nội dung được đánh giá cao nhất về tầm quan trọng và mức độ cần thiết là hướng dẫn HS “Nhận biết, xử lí các tình huống nói lời cảm ơn và xin lỗi” (điểm trung bình  $M = 2,93$ ). Đây là một trong những kỹ năng cơ bản, qua đó HS có thể dễ dàng tiếp thu, song lại có vai trò quan trọng, giúp tạo ấn tượng tốt từ những người xung quanh, xây dựng không khí thân thiện, gần gũi cho các tương tác tiếp theo giữa HS và mọi người.

Bảng 2. Nhận thức của GV và phụ huynh về các nội dung giáo dục KNGT cho HS RLPTK cấp THCS ( $1 \leq M \leq 3$ )

TT	Nội dung	Mức độ cần thiết						M	Thứ bậc
		Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần thiết			
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Chủ động và duy trì cuộc giao tiếp với mọi người	111	77,6	23	16,1	9	6,3	2,90	2
2	Nhận biết, xử lí các tình huống nói lời cảm ơn và xin lỗi	121	84,6	20	13,9	2	1,5	2,93	1
3	Chủ động diễn đạt và thể hiện nhu cầu của bản thân bằng lời nói, hành động	102	71,3	31	21,7	10	7,0	2,89	3
4	Mở rộng cuộc trò chuyện và giúp đỡ mọi người	97	67,8	26	18,2	20	14,0	2,87	4
Tổng			75,3		17,5		7,2	2,90	

Kĩ năng được đánh giá có tầm quan trọng xếp thứ hai là “*Chủ động và duy trì cuộc giao tiếp với mọi người*”, điểm trung bình  $M = 2,90$ . Trên thực tế, một trong những đặc điểm của HS mắc chứng RLPTK là việc các em gặp khó khăn trong việc thiết lập và duy trì tương tác giao tiếp với mọi người xung quanh. Các em có thể phản ứng lại trước những tương tác giao tiếp từ bên ngoài ở các mức độ thành thực khác nhau; nhưng trong đa số trường hợp, các HS này gặp khó khăn đáng kể trong việc chủ động, tự bản thân mình bắt đầu một cuộc giao tiếp mới. Do đó, hoạt động giáo dục kĩ năng sống cho nhóm đối tượng HS này đề cao việc hướng dẫn cách “*Chủ động và duy trì cuộc giao tiếp với mọi người*” là hoàn toàn hợp lí. Dữ liệu định tính thu thập được từ các phỏng vấn sâu củng cố kết quả này. Cụ thể, trả lời phỏng vấn sâu của nhóm nghiên cứu, cô N.T.H. (GV) cho rằng: “*Việc giáo dục kĩ năng chủ động và duy trì giao tiếp của HS RLPTK đóng vai trò vô cùng quan trọng, đây là cầu nối giúp HS đẩy mạnh kết nối với bạn bè xung quanh, hỗ trợ tích cực cho các em thực hành kết bạn và hòa nhập một cách hiệu quả*”.

2.2.3. *Thực trạng mức độ sử dụng các phương pháp giáo dục kĩ năng giao tiếp của học sinh rối loạn phổ tự kỉ cấp trung học cơ sở*

Bảng 3. Thực trạng mức độ sử dụng các phương pháp giáo dục KNGT cho HS RLPTK ( $1 \leq M \leq 3$ )

TT	Phương pháp	Mức độ sử dụng						M	Thứ bậc
		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Không bao giờ			
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Sử dụng câu chuyện xã hội (Social Stories)	117	81,8	20	13,9	6	4,3	2,92	2
2	Video làm mẫu (Video Modeling)	121	84,6	18	12,6	4	2,8	2,95	1
3	Can thiệp phản hồi then chốt (Pivotal Response Treatment)	107	74,8	25	17,5	11	7,7	2,89	3
4	Xây dựng các kịch bản sẵn có	91	63,6	32	22,4	20	14,0	2,81	5
5	Sử dụng trò chơi vận dụng	96	67,1	30	20,9	17	12,0	2,86	4

Trong giai đoạn học kĩ năng, phương pháp có mức độ sử dụng nhiều nhất là phương pháp “*Video làm mẫu (Video Modeling)*” với  $M = 2,95$ . Xếp thứ 2 là phương pháp “*Sử dụng câu chuyện xã hội (Social Stories)*” với điểm trung bình  $M = 2,92$ . Xếp thứ 3 là “*Can thiệp phản hồi then chốt (Pivotal Response Treatment)*” với điểm trung bình  $M = 2,89$ . Cô N. T. N (GV) cho rằng: “*Trong quá trình giáo dục KNGT cho HS RLPTK, chúng tôi thường xuyên sử dụng phương pháp câu chuyện xã hội và video làm mẫu, đa số các GV thường tự thiết kế và xây dựng các video, câu chuyện xã hội cho phù hợp với đặc điểm của từng HS để đạt được hiệu quả cao trong quá trình giáo dục*”. Phần lớn GV và phụ huynh đã sử dụng linh hoạt, đa dạng các phương pháp khác nhau trong. Đây là những điều kiện quan trọng giúp các em có nhiều cơ hội tiếp cận và học kĩ năng hiệu quả.

## 2.2.4. Thực trạng sử dụng hình thức giáo dục kỹ năng giao tiếp của học sinh rối loạn phổ tự kỉ cấp trung học cơ sở

Bảng 4. Thực trạng sử dụng hình thức giáo dục KNGT cho HS RLPTK ( $1 \leq M \leq 3$ )

TT	Hình thức	Mức độ cần thiết						M	Thứ bậc
		Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần thiết			
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Tổ chức và lồng ghép nội dung giáo dục KNGT vào quá trình học tập, sinh hoạt hằng ngày	131	91,6	10	6,9	2	1,5	2,96	2
2	Tổ chức hoạt động vui chơi, đóng vai theo nhóm	86	60,1	43	30,1	14	9,8	2,80	6
3	Tổ chức các giờ học cá nhân	95	66,4	34	23,8	14	9,8	2,84	5
4	Tổ chức giờ dạy KNGT theo nhóm nhỏ (3-4 trẻ 1 nhóm)	120	83,9	13	9,1	10	7,0	2,94	3
5	Tổ chức dạy học KNGT theo nhóm lớn (cả lớp)	140	97,9	3	2,1	0	0	2,98	1
6	Phối kết hợp các hình thức	114	79,7	24	16,8	5	3,5	2,90	4
Tổng			79,9		14,8		5,3	2,90	79,9

Trong số 6 hình thức giáo dục được đề cập, phần lớn các GV và phụ huynh đều cho rằng hình thức “*Tổ chức dạy học KNGT theo nhóm lớn*” được tổ chức thường xuyên nhất ở nhà trường ( $M = 2,98$ ). Hình thức “*Tổ chức và lồng ghép nội dung giáo dục KNGT vào quá trình học tập, sinh hoạt hằng ngày*” đứng thứ 2 về mức độ cần thiết với điểm trung bình  $M = 2,96$ , Hình thức “*Tổ chức giờ dạy KNGT theo nhóm nhỏ (3 - 4 trẻ 1 nhóm)*” đứng thứ 3 về mức độ sử dụng với điểm trung bình  $M = 2,94$ . Hình thức giáo dục “*Phối kết hợp các hình thức*” đứng thứ 4 về mức độ hiệu quả với điểm trung bình lần lượt là  $M = 2,90$ . Hình thức “*Tổ chức các giờ học cá nhân*” đứng thứ 5 về mức độ hiệu quả với  $M = 2,84$ . Hình thức “*Tổ chức các hoạt động vui chơi, đóng vai theo nhóm*” đứng thứ 6 về mức độ hiệu quả với điểm trung bình là  $M = 2,80$ . Trong đó hình thức được thường xuyên sử dụng nhất đó là tổ chức dạy học theo nhóm lớn, theo ý kiến của cô V.T.P chia sẻ “*Khi dạy học theo nhóm lớn các em có nhiều cơ hội giao tiếp, tương tác với các bạn xung quanh, có môi trường để thực hiện kỹ năng đã được học. GV thường lựa chọn các hình thức này để tổ chức các hoạt động giáo dục KNGT, lồng ghép trò chơi giúp tạo cảm xúc vui vẻ, hào hứng của các em*”. Như vậy, trong quá trình giáo dục KNGT cho HS RLPTK, các GV và phụ huynh đã sử dụng đa dạng, linh hoạt các hình thức giáo dục. Việc sử dụng đa dạng các hình thức giáo dục rất quan trọng, giúp thiếu niên có nhiều cơ hội tiếp thu kỹ năng, tăng cường hứng thú, tương tác và ghi nhớ lâu bền. Vì thế, GV và phụ huynh cần luân phiên, phối hợp sử dụng các hình thức giáo dục một cách phù hợp và mang lại hiệu quả cao.

## 2.2.5. Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến quá trình giáo dục kỹ năng giao tiếp của học sinh rối loạn phổ tự kỉ cấp trung học cơ sở

Bảng 5. Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến quá trình giáo dục KNGT cho HS RLPTK ( $1 \leq M \leq 3$ )

TT	Yếu tố ảnh hưởng	Mức độ ảnh hưởng						M	Thứ bậc
		Ảnh hưởng nhiều		Ảnh hưởng ít		Không ảnh hưởng			
		SL	%	SL	%	SL	%		
Thành phần tác động									
1	Các khó khăn, hạn chế của học sinh RLPTK: tập trung chú ý, tương tác, hành vi...	132	92,3	9	6,2	2	1,5	2,96	1
2	Đội ngũ GV có chuyên môn giáo dục KNGT	110	76,9	26	18,2	7	4,9	2,80	4
3	Sự phối hợp của gia đình và các lực lượng xã hội	118	82,5	21	14,7	4	2,8	2,87	3
Yếu tố tác động									
4	Mục tiêu và nội dung giáo dục KNGT	125	87,4	16	11,2	2	1,4	2,94	2
Trung bình			84,8		12,6		2,7	2,89	84,8

Các yếu tố ảnh hưởng đóng vai trò quan trọng đối với quá trình, trong đó thành phần tác động chiếm ảnh hưởng lớn hơn. giáo dục KNGT cho HS RLPTK. Yếu tố “*Các khó khăn, hạn chế của HS RLPTK: tập trung chú ý, tương*

tác, hành vi...” ảnh hưởng nhiều nhất (với  $M = 2,96$ ). Yếu tố “Mục tiêu và nội dung giáo dục KNGT” (với  $M = 2,94$ ). Xác định mục tiêu và nội dung giúp GV và phụ huynh xây dựng và sử dụng các hoạt động phù hợp, hiệu quả mang lại chất lượng giáo dục tích cực đối với HS. Yếu tố ảnh hưởng thứ 3 đó là “Sự tham gia, phối hợp của gia đình trong việc xây dựng và sử dụng các KNGT cho HS RLPTK” (với  $M = 2,87$ ). Sự đồng bộ, phối hợp trong giáo dục có vai trò đặc biệt quan trọng, giúp HS có cơ hội thực hành kỹ năng trong nhiều điều kiện, tình huống khác nhau và giúp trẻ ghi nhớ lâu bền.

### 2.3. Một số đề xuất nhằm nâng cao giáo dục kỹ năng giao tiếp của học sinh rối loạn phổ tự kỷ cấp trung học cơ sở

- Các cơ sở giáo dục cấp THCS cần đẩy mạnh nâng cao chuyên môn và hiểu biết của GV, phụ huynh về vấn đề giáo dục KNGT cho HS RLPTK: Xác định rõ các mục tiêu giáo dục hướng tới thúc đẩy phát triển KNGT đó là tăng cường giúp HS phát triển tần suất trò chuyện với các bạn cùng lớp. Sử dụng nhiều hoạt động, thiết kế các tình huống trong thực tế tạo cơ hội cho các HS cùng giao tiếp và trò chuyện. Bên cạnh đó, GV và phụ huynh cần giải thích và giúp HS nhận diện các tình huống cần nói lời cảm ơn, xin lỗi trong thực tế cuộc sống. Đồng thời, đưa ra các cách xử lý phù hợp, tạo cảm giác thân thiện, gần gũi với mọi người xung quanh. Đây là nội dung quan trọng trong KNGT, là cơ sở giúp các em thiết lập các mối quan hệ bạn bè, cùng nhau học tập, vui chơi và phát triển.

- GV và phụ huynh cần lựa chọn và sử dụng các phương pháp giáo dục phù hợp với thực tế và cá nhân HS để hoàn thành các mục tiêu giáo dục: Khuyến khích sử dụng các phương pháp đã được kiểm chứng khoa học về mức độ hiệu quả: Video làm mẫu (Video Modeling); Sử dụng câu chuyện xã hội (Social Stories). Đây là những phương pháp cơ bản, quan trọng giúp HS RLPTK nắm được các cách thực hiện kỹ năng và xử lý các tình huống thực tế. Bên cạnh đó, GV và phụ huynh có thể áp dụng các phương pháp tự trau dồi, tích lũy trong quá trình giáo dục và mang lại hiệu quả cao. Trong quá trình giáo dục cần sử dụng các hình thức giáo dục phong phú, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm lớp học và cá nhân HS.

### 3. Kết luận

GV và cha mẹ HS bước đầu nắm được các mục tiêu cơ bản trong quá trình giáo dục KNGT cho HS RLPTK nhưng việc vận dụng các mục tiêu vào thực tế giáo dục các em còn gặp nhiều khó khăn và trở ngại. Phương pháp giáo dục KNGT cho HS RLPTK được thể hiện ở 3 giai đoạn giáo dục, trong đó mỗi giai đoạn có các phương pháp cụ thể, GV và phụ huynh đã bước đầu tiếp cận và sử dụng các phương pháp. Tuy nhiên, các phương pháp thực hiện với tần suất chưa cao, chưa thường xuyên, liên tục nên đã ảnh hưởng nhiều tới hiệu quả giáo dục. Các lực lượng giáo dục cần tìm hiểu và nắm được đặc điểm, nhu cầu của đối tượng để thiết kế và sử dụng hoạt động phù hợp. Chính vì thế, yêu cầu cấp thiết đặt ra đó là cần có xây dựng các biện pháp, hệ thống các hoạt động giáo dục KNGT, đưa ra các bước thực hiện cụ thể rõ ràng, đảm bảo việc thực hiện mục tiêu, nội dung giáo dục cho HS, giúp các em tự tin giao tiếp, trò chuyện và thiết lập các mối quan hệ, tạo điều kiện hòa nhập tốt hơn với thầy cô, các bạn đồng trang lứa.

### Tài liệu tham khảo

- Đỗ Thị Thảo (2019). *Can thiệp sớm giáo dục trẻ rối loạn phổ tự kỷ (sách chuyên khảo)*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Lorenzo, G., Gómez-Puerta, M., Arráez-Vera, G., & Lorenzo-Lledó, A. (2019). Preliminary study of augmented reality as an instrument for improvement of social skills in children with autism spectrum disorder. *Education and Information Technologies*, 24(1), 181-204. <https://doi.org/10.1007/s10639-018-9768-5>
- Matson, J. L., Hess, J. A., & Mahan, S. (2013). Moderating effects of challenging behaviors and communication deficits on social skills in children diagnosed with an autism spectrum disorder. *Research in Autism Spectrum Disorders*, 7(1), 23-28. <https://doi.org/10.1016/j.rasd.2012.07.002>
- Muharib, R., Alzayer, N. M., Wood, C. L., & Voggt, A. P. (2019). Backward chaining and speech-output technologies to enhance functional communication skills of children with autism spectrum disorder and developmental disabilities. *Augmentative and Alternative Communication*, 35(4), 251-262. <https://doi.org/10.1080/07434618.2019.1704433>
- Nguyễn Thị Tuyết Mai (2013). Thực trạng sử dụng câu chuyện xã hội giáo dục khoa học xã hội cho trẻ tự kỷ 4-5 tuổi. *Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 12*, 73-75.
- Trần Văn Công, Nguyễn Thị Hoài Phương, Hoàng Thị Nho (2020). Nâng cao chất lượng hoạt động các cơ sở can thiệp trẻ rối loạn phổ tự kỷ. *Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 12*, 110-116.
- Watkins, L., Kuhn, M., Ledbetter-Cho, K., Gevarter, C., & O'Reilly, M. (2017). Evidence-based social communication interventions for children with autism spectrum disorder. *The Indian Journal of Pediatrics*, 84(1), 68-75. <https://doi.org/10.1007/s12098-015-1938-5>